CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG

Ngày 31/12/2025	64,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	**-3.6%**	**-2.0%**

DT thuần
Q4/25
3,181
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,880| 145%
YoY: ▲ 1,872| 143%

LN thuần
Q4/25
173
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 83.0| 92.7%
YoY: ▲ 138| 394%

LN sau thuế
Q4/25
140
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 67.9| 93.9%
YoY: ▲ 111| 381%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
11.6%
YoY: +/-▼ 9.0%

ROE
2025
20.9%
YoY: +/-▲ 5.2%

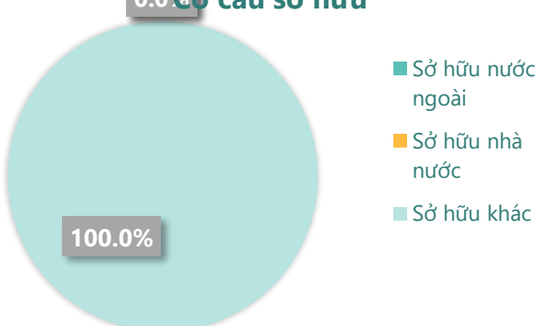
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	60,700 - 81,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,457
Số lượng CPLH (CP)	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,255
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.07
EPS	3,738
P/E	17.2

DT thuần
2025
6,521
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,816| 141%

LN thuần
2025
397
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 166| 72.0%

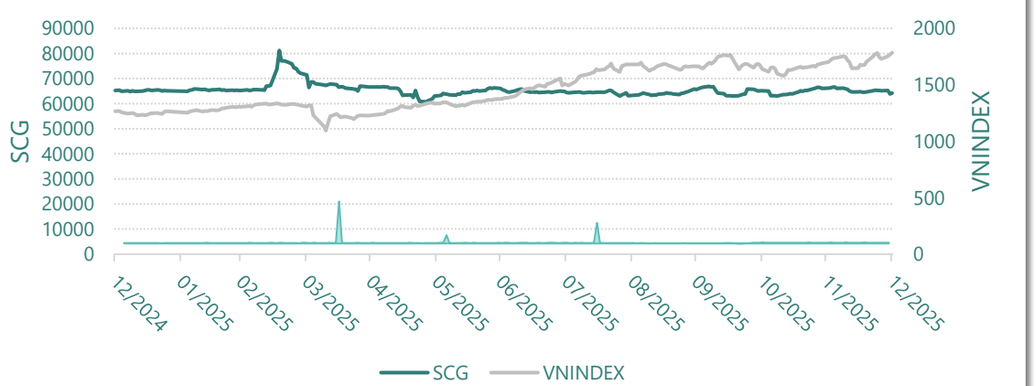
LN sau thuế
2025
318
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 120| 60.2%

Cơ cấu sở hữu

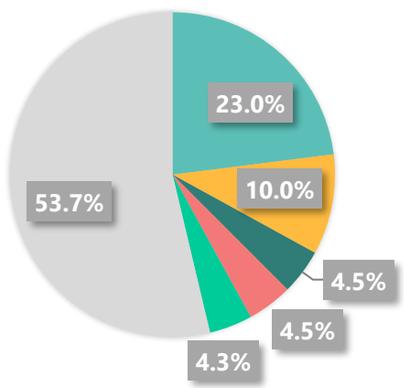


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



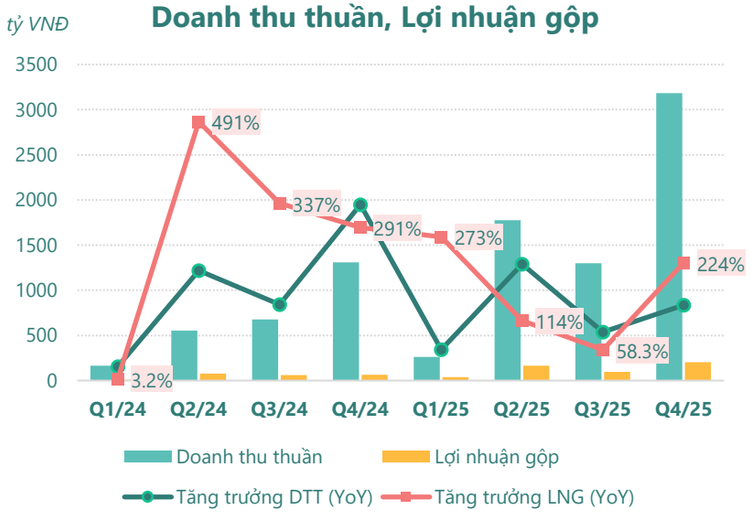
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

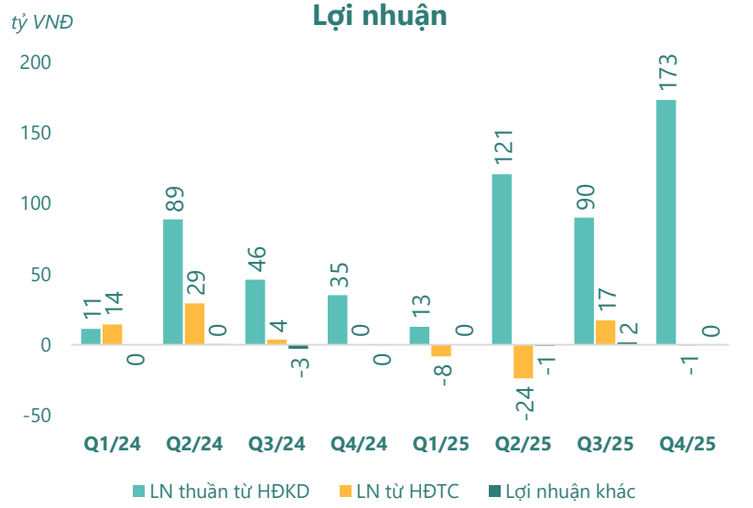
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



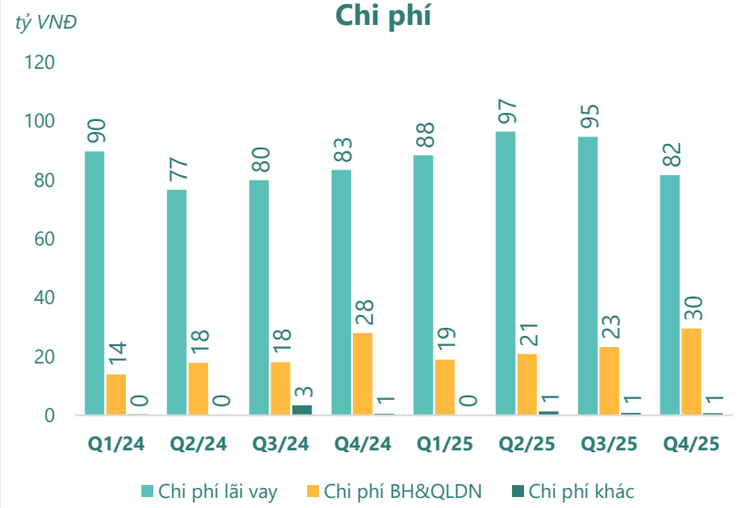
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



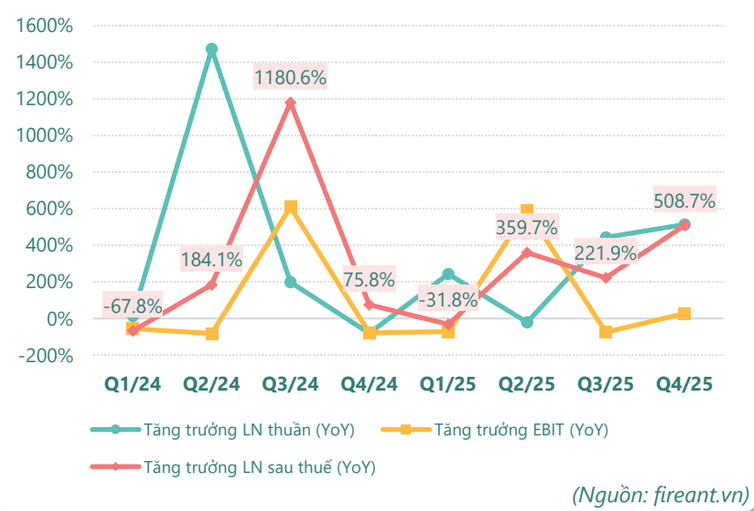
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



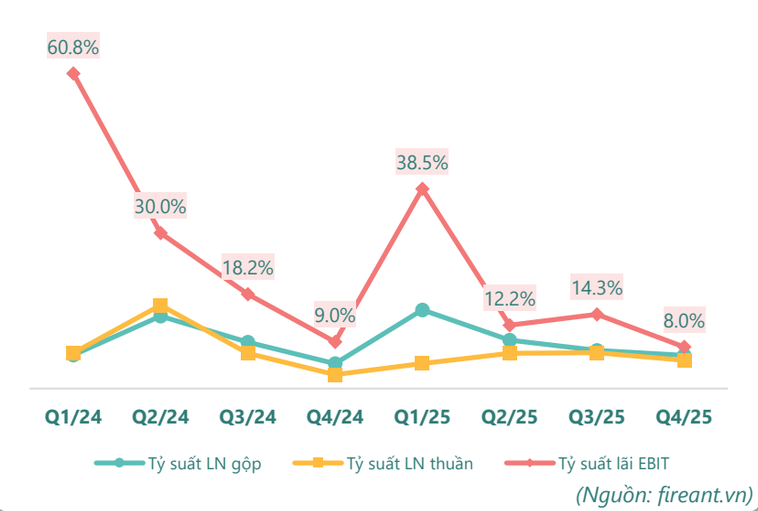
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



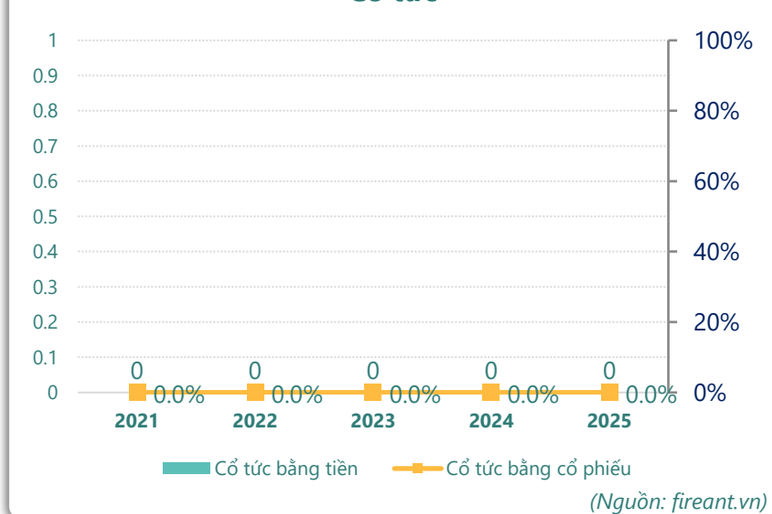
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

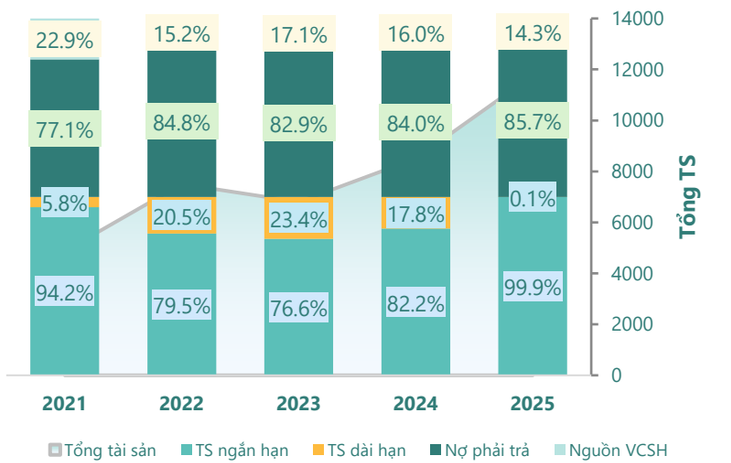
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

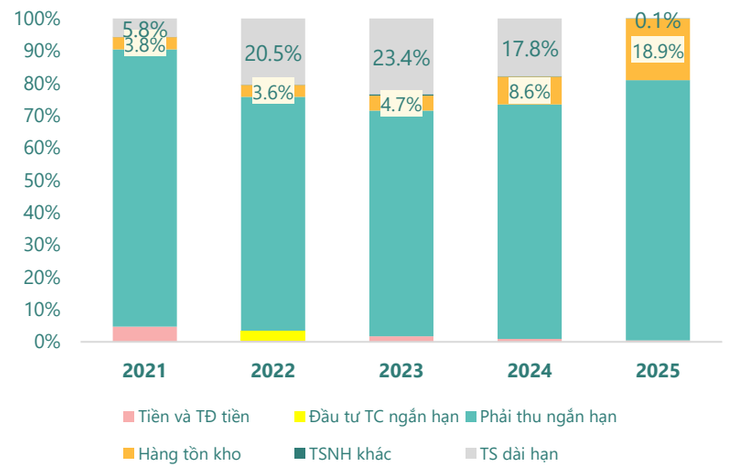
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



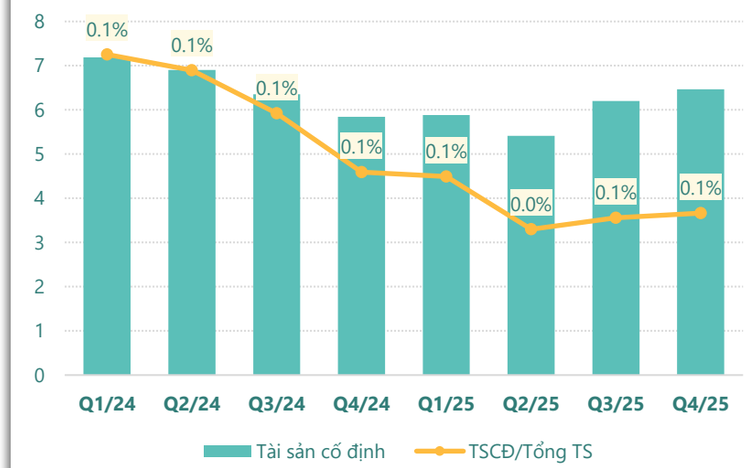
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



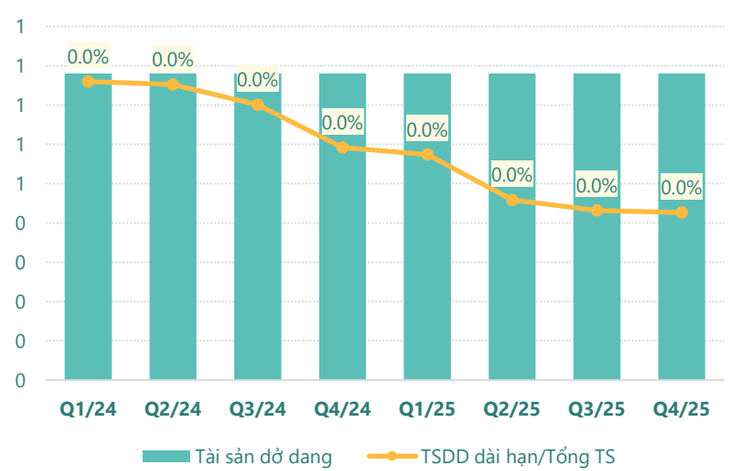
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



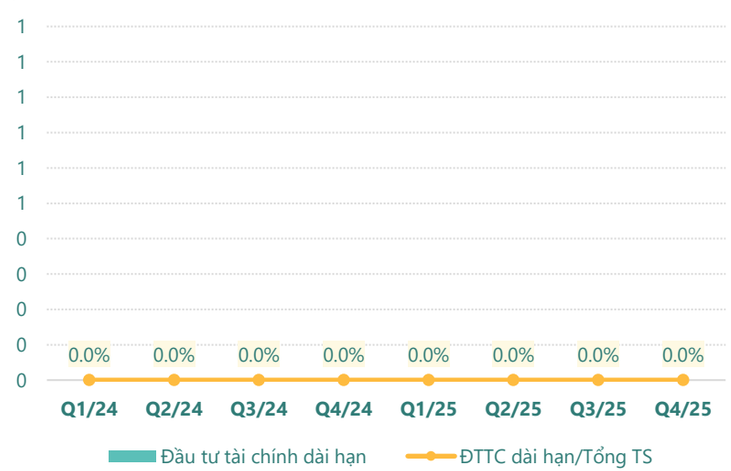
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



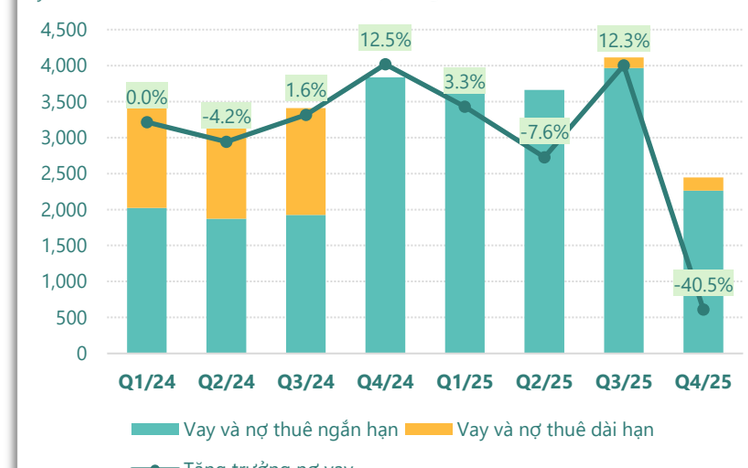
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

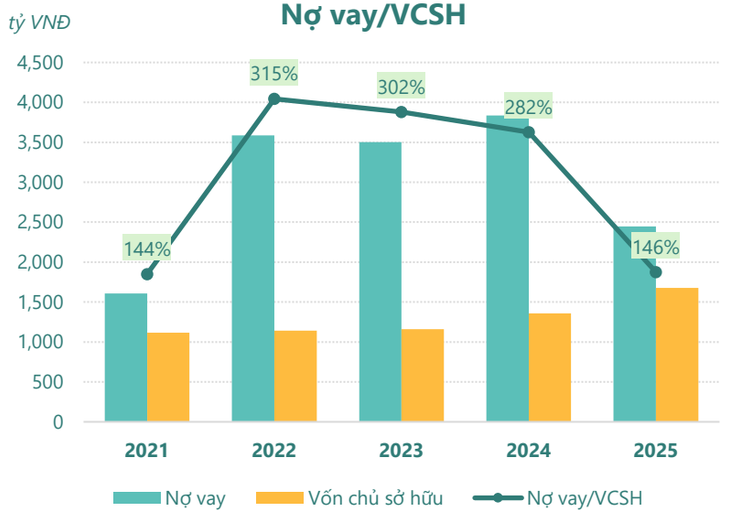
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

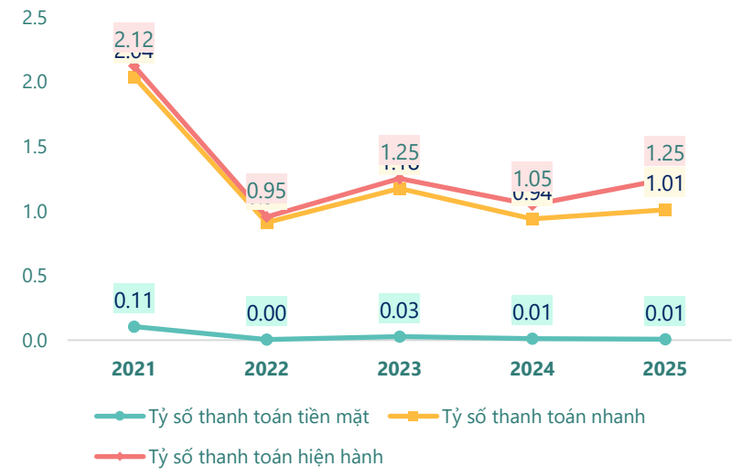
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



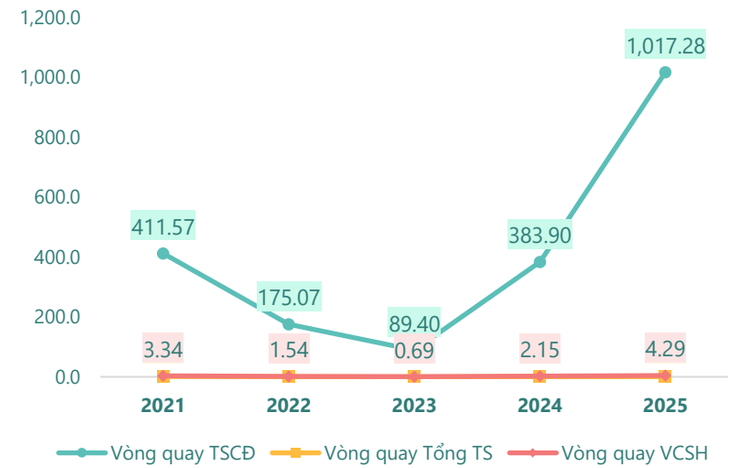
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



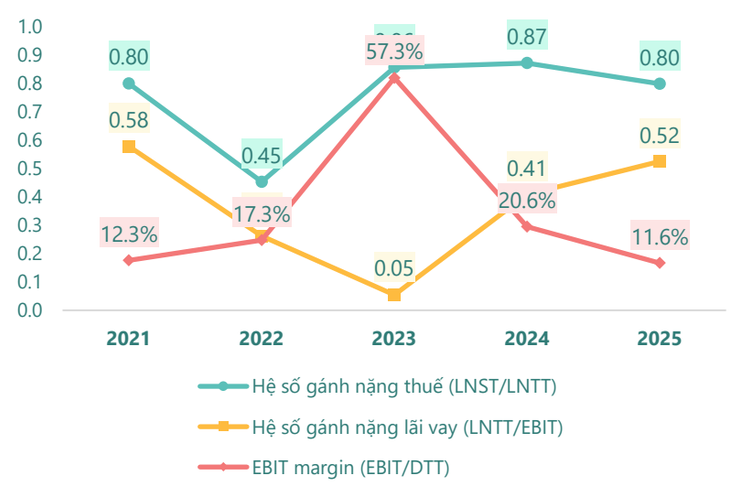
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



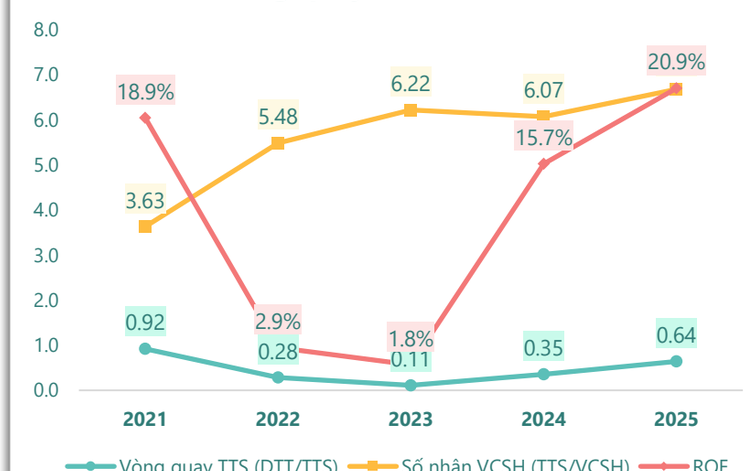
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



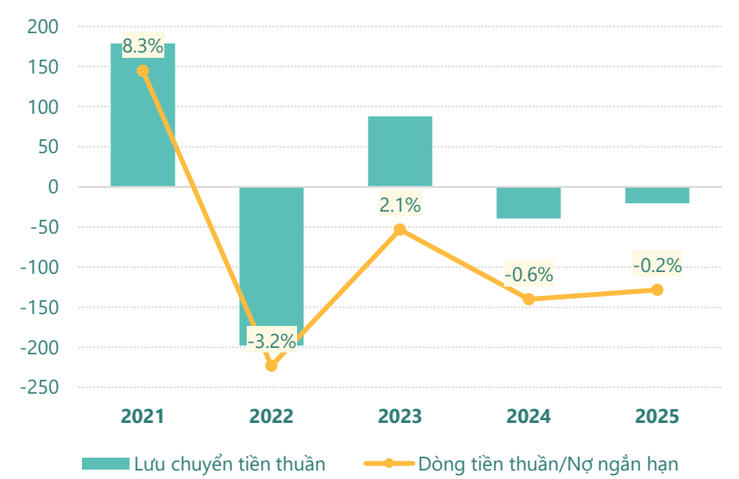
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,181**	**1,309**	**143%**	**6,521**	**2,705**	**141%**
Giá vốn hàng bán	2,978	1,246	139%	6,016	2,443	146%
Lợi nhuận gộp	204	62.8	224%	505	262	92.9%
Doanh thu HĐTC	93.7	84.4	11.0%	361	380	-5.1%
Chi phí TC	94.3	84.2	12.0%	376	333	12.9%
Chi phí lãi vay	81.7	83.4	-2.1%	361	330	9.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí QLDN	**29.5**	**28.0**	**5.4%**	**92.5**	**77.8**	**18.8%**
LN thuần từ HĐKD	173	35.1	394%	397	231	72.0%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**-0.44**	**105%**	**1.13**	**-3.11**	**136%**
LN trước thuế	173	34.6	401%	398	228	74.8%
Lợi nhuận sau thuế	**140**	**29.1**	**381%**	**318**	**198**	**60.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**140**	**28.5**	**390%**	**318**	**198**	**60.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	190	-489	-386	1,985	-598	551
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-268	86.2	328	-1,783	107	1,165
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	52.6	426	128	-301	449	-1,664
Tiền đầu kỳ	80.1	54.2	78.1	148	48.8	6.41
Lưu chuyển tiền thuần	**-26.0**	**23.9**	**69.8**	**-99.0**	**-42.4**	**51.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	54.2	78.1	148	48.8	6.41	57.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,770**	**8,502**	**38.4%**
Tài sản ngắn hạn	11,758	6,989	68.2%
Tiền và tương đương tiền	57.6	78.1	-26.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9,471	6,162	53.7%
Hàng tồn kho	2,229	731	205%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	16.9	-98.1%
Tài sản dài hạn	**12.0**	**1,513**	**-99.2%**
Phải thu dài hạn	0	1,500	-100%
Tài sản cố định	6.47	6.35	1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.78**	**5.61**	**-14.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,093	7,142	41.3%
Nợ ngắn hạn	**9,436**	**6,669**	**41.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,263	3,835	-41.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,219	1,067	14.3%
Nợ dài hạn	657	473	38.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	184	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,677**	**1,360**	**23.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,677**	**1,360**	**23.4%**
Vốn điều lệ	850	850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)